

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ A
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 58 /2022/DSST
Ngày: 23-3-2022
V/v “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ A

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Mỹ Lệ

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hồ Xuân Dũng

2. Ông Võ Thanh Liêm

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Nguyệt Hồng – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã A

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã A tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Đồng Việt - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 3 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã A xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 65/2022/TLST-DS ngày 11 tháng 01 năm 2022 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 737/2022/QĐXXST-DS ngày 07 tháng 3 năm 2022 giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Anh Nguyễn Thanh H1, sinh năm 1983 (có mặt)

Địa chỉ: Số nhà 463 P, khu vực V, phường N, thị xã A, tỉnh Bình Định

*** Bị đơn:** Anh Bùi Ngọc H2, sinh năm 1995 (có mặt)

Địa chỉ: Số nhà 221 P, khu vực T, phường N, thị xã A, tỉnh Bình Định.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** Chị Đặng Thị Thuỳ Tr, sinh năm 1987 (vắng mặt)

Địa chỉ: Số nhà 463 P, khu vực V, phường N, thị xã A, tỉnh Bình Định

NỘI DUNG VỤ ÁN

*** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản ghi lời khai, các thủ tục tố tụng tiếp theo và tại phiên tòa nguyên đơn anh Nguyễn Thanh H1 trình bày:** Vào ngày 16/5/2020 âm lịch H2 đến nhà anh vay số tiền 30.000.000đ, hai bên thỏa thuận lãi suất cho vay là 6%/tháng, thời hạn vay là 01 năm từ ngày 16/5/2020 âm lịch đến ngày 16/5/2021 âm lịch, H2 trực tiếp viết giấy mượn tiền.

H2 trả tiền lãi cho anh từ ngày vay tiền cho đến tháng 9 năm 2020 thì không trả tiền lãi, đến tháng 3 năm 2021 thì mẹ của H2 (bà Ng) có trả cho anh tiền lãi là 2.000.000đ, sau đó anh không có lần nào nhận tiền của bà Ng nữa và từ đó cho đến nay thì H2 cũng không trả tiền lãi, anh đã nhận tiền lãi của H2 tổng cộng là 9.200.000đ, hiện H2 vẫn còn nợ số tiền vay gốc là 30.000.000đ (ba mươi triệu đồng). Anh nhiều lần yêu cầu H2 trả tiền vay gốc nhưng H2 cứ hứa hẹn, né tránh không trả, nay anh yêu cầu Bùi Ngọc H2 trả cho vợ chồng anh số tiền vay gốc là 30.000.000đ (ba mươi triệu đồng), anh không yêu cầu tính tiền lãi và cũng không yêu cầu tính lại tiền lãi đã trả.

** Theo bản tự khai, biên bản ghi lời khai, các thủ tục tố tụng tiếp theo và tại phiên tòa, bị đơn anh Bùi Ngọc H2 trình bày:* Vào năm 2019 anh có vay tiền của anh Nguyễn Thanh H1 số tiền 30.000.000đ thời hạn 1 năm, hằng tháng anh đều trả tiền lãi cho anh H1, đến năm 2020 thì anh trả cho anh H1 số tiền vay gốc 30.000.000đ xong.

Đến ngày 16/5/2020 âm lịch anh tiếp tục vay anh H1 số tiền 30.000.000đ (ba mươi triệu đồng), thời hạn vay 01 năm từ ngày 16/5/2020 âm lịch đến ngày 16/5/2021 âm lịch, lãi suất thỏa thuận là 1.800.000đ/tháng. Tiền lãi thì anh trả hàng tháng từ lúc vay cho đến cuối năm 2020, sang năm 2021 thì anh có trả tiền lãi cho anh H1 được mấy tháng nhưng anh không nhớ cụ thể là bao nhiêu tháng. Mẹ anh (Đặng Thị Nguyệt) có trả tiền lãi cho anh H1 là 2.000.000đ, anh xác định tổng cộng số tiền lãi đã trả cho anh H1 là 9.200.000đ đúng như anh H1 đã trình bày.

Anh xác định hiện còn nợ anh H1 số tiền vay gốc là 30.000.000đ (ba mươi triệu đồng), cách đây mấy tháng anh có điện thoại cho anh H1 nói trả trước cho anh H1 số tiền 5.000.000đ, rồi qua năm anh trả tiếp cho anh H1, anh H1 đồng ý. Nhưng sau đó không hiểu sao anh H1 vào nhà anh chửi bới rồi làm đơn khởi kiện. Anh làm ăn bị thất bại nên xin trả dần cho anh H1 mỗi tháng 3.000.000đ cho đến khi hết nợ, anh không yêu cầu tính lại tiền lãi đã trả.

** Theo bản tự khai, biên bản ghi lời khai, các thủ tục tố tụng tiếp theo và tại phiên tòa, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Đặng Thị Thùy Tr trình bày:* Thống nhất theo lời trình bày của anh H1, yêu cầu H2 trả cho vợ chồng số tiền vay gốc là 30.000.000đ, không yêu cầu tính tiền lãi.

** Ý kiến của Kiểm sát viên về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý, chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa đúng theo quy định của pháp luật.*

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án: Căn cứ Điều 26, 35, 39, 147 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Điều 463, 466 Bộ luật dân sự 2015; Điều 26, 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án. Đề nghị tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Nguyễn Thanh H1 đối với bị đơn anh Bùi Ngọc H2 về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản. Buộc anh Bùi Ngọc H2 phải trả cho anh Nguyễn Thanh H1 một lần số tiền vay gốc 30.000.000đ

2. Về án phí: Buộc bị đơn phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

1.1 Xác định quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Anh Nguyễn Thanh H1 khởi kiện anh Bùi Ngọc H2 yêu cầu trả tiền vay gốc phát sinh từ giao dịch vay tiền nên xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là hợp đồng vay tài sản theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã A theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

1.2 Về sự vắng mặt của đương sự: Chị Đặng Thị Thùy Tr có đơn xin xét xử vắng mặt, căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị Tr.

[2] Về nội dung:

[2.1] Vào năm 2019 anh Bùi Ngọc H2 xác lập giao dịch vay tiền với vợ chồng anh Nguyễn Thanh H1, chị Đặng Thị Thùy Tr số tiền vay gốc là 30.000.000đ. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, anh H2 xác định hiện còn nợ vợ chồng anh H1, chị Tr số tiền vay gốc 30.000.000đ là phù hợp với đơn khởi kiện và lời trình bày của anh H1, chị Tr nên đây được coi là những tình tiết, sự kiện không phải chứng minh và được chấp nhận theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự. Như vậy, anh H2 đã nhận số tiền vay gốc 30.000.000đ từ vợ chồng anh H1, chị Tr nhưng đến thời hạn trả nợ thì anh H2 không thực hiện nghĩa vụ trả nợ, để bảo vệ quyền lợi nên anh H1 khởi kiện yêu cầu anh H2 trả nợ là có căn cứ theo quy định tại Điều 186 Bộ luật tố tụng dân sự. Do đó buộc anh Bùi Ngọc H2 có nghĩa vụ trả vợ chồng anh Nguyễn Thanh H1, chị Đặng Thị Thùy Tr số tiền vay gốc là 30.000.000đ (ba mươi triệu đồng).

[2.2] Anh H1 và anh H2 cùng xác định mức lãi suất thỏa thuận vay là 6%/tháng là trái với quy định của Bộ luật dân sự, anh H1 và anh H2 xác định tiền lãi đã trả là 9.200.000đ. Tuy nhiên, anh H1 và anh H2 không có yêu cầu xem xét đối với số tiền lãi 9.200.000đ anh H1 nhận nên căn cứ Điều 5 Bộ luật tố tụng dân sự về quyền quyết định và tự định đoạt của đương sự, Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3] Anh H2 xin trả dần mỗi tháng 3.000.000đ nhưng không được vợ chồng anh H1 chấp nhận và không có căn cứ nên Hội đồng xét xử không chấp

nhận yêu cầu trả dần của anh H2.

[2.4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 ngày 30.12.2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án thì anh Bùi Ngọc H2 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 1.500.000đ [cách tính: (30.000.000đ x 5%)]. Anh Nguyễn Thanh H1 không phải chịu án phí nên được hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí là 750.000đ theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0005072 ngày 11/01/2022 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã A.

[3] Ý kiến của Kiểm sát viên về việc giải quyết vụ án phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 5, Điều 92, Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 463, Điều 466, khoản 2 Điều 470 Bộ luật dân sự và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30.12.2016 Ủy ban thường vụ Quốc hội về quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Thanh H1

2/ Buộc anh Bùi Ngọc H2 có trách nhiệm trả cho vợ chồng anh Nguyễn Thanh H1, chị Đặng Thị Thùy Tr số tiền vay gốc là 30.000.000đ (ba mươi triệu đồng).

3/ Bác lời khai của anh Bùi Ngọc H2 xin trả dần mỗi tháng 3.000.000đ vì không được vợ chồng anh H1, chị Tr chấp nhận và không có căn cứ.

4/ Về án phí dân sự sơ thẩm:

4.1 Anh Bùi Ngọc H2 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 1.500.000đ (một triệu, năm trăm nghìn đồng).

4.2 Hoàn trả cho anh Nguyễn Thanh H1 số tiền tạm ứng án phí là 750.000đ (bảy trăm năm mươi nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0005072 ngày 11/01/2022 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã A.

5/ Quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên tòa nếu không đồng ý bản án này có quyền kháng cáo lên cấp xét xử phúc thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Riêng người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo lên cấp xét xử

phúc thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

6/. Quyền, nghĩa vụ thi thành án:

6.1 Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

6.2 Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Định
- VKSND TX. A
- Chi cục THA TX. A
- Các đương sự
- Lưu hồ sơ
- Lưu án văn

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Mỹ Lệ

